

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024



MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	7 - 9
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	10
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11 - 12
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 60

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (sau đây được gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước với tên gọi là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp. Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3168/QĐ-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên giao dịch là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 07 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 17 tháng 7 năm 2024 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 12 ngày 17 tháng 7 năm 2024 là: 1.419.915.000.000 VND (*Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*).

Tên giao dịch quốc tế: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION.

Tên viết tắt là: MIE.

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là MIE.

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quốc Toàn	Chủ tịch	
Ông Phạm Thành Đông	Thành viên	
Ông Hoàng Minh Việt	Thành viên	
Ông Cù Ngọc Phương	Thành viên	
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 15/3/2024)
Ông Lê Huy Hải	Thành viên	(Bầu ngày 15/3/2024)

Ban Kiểm soát

Ông Đinh Quang Hòa	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Khánh Ly	Thành viên
Bà Lê Thị Minh Huyền	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Thành Đông	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 27/6/2024)
Ông Lê Huy Hải	Quyền Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 27/6/2024)
Ông Lê Huy Hải	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 16/7/2024)
Ông Đậu Huy Ngọc Linh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Trung Thực	Phó Tổng Giám đốc	

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Lê Huy Hải

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP, được lập ngày 27/8/2024, từ trang 07 đến trang 60, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- (1) Như trình bày tại mục 5.3; mục 5.4; mục 5.5, Phần 5 “Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”, Tổng Công ty đang tồn tại một số khoản công nợ tồn đọng tại ngày 30/6/2024 như sau: Phải thu khách hàng của Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật: 59.039.493.041 VND; Trả trước cho người bán của Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí: 20.549.503.289 VND; Phải thu khác của Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật: 6.115.416.932 VND. Đây là những khoản công nợ tồn đọng tính đến thời điểm 30/9/2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) nhưng chưa được xử lý khi xác định giá trị doanh nghiệp cũng như khi công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và khoản Phải thu khách hàng của Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí phát sinh sau ngày 30/9/2014 đã quá hạn thanh toán tính đến ngày 30/6/2024 có giá trị: 20.902.392.213 VND. Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty mẹ và bốn Công ty con do Công ty mẹ sở hữu 100% vốn đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa và xử lý các vấn đề liên quan trong đó có các khoản công nợ tồn đọng. Do đó, Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ này. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục soát xét thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng phải trích lập tại ngày 30/6/2024. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)

(2) Như trình bày tại mục 5.3; mục 5.4; mục 5.5, Phần 5 “Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”, Tổng Công ty đang tồn tại một số khoản công nợ tồn đọng tại ngày 30/6/2024 như sau: Phải thu khách hàng: 328.790.740 VND, Trả trước cho người bán: 234.572.661 VND, Phải thu khác: 18.184.136.530 VND. Đây là các khoản nợ tồn đọng lên quan đến vụ án xảy ra tại Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung (Công ty con). Theo Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung do vụ án đang trong giai đoạn thi hành án nên Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung chưa xác định được tổn thất đối với các khoản nợ phải thu khó đòi trên. Tại ngày 30/6/2024, Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ này. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục soát xét thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng phải trích lập tại ngày 30/6/2024. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Mục 4, Phần “Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”, tại ngày phát hành Báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang tiếp tục được thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần.

Như trình bày tại Mục 5.20.b, Phần 5 “Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”, Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND. Tại ngày 30/6/2024, Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là 1.418.634.488.001 VND, chênh lệch là (1.280.511.999) VND so với Vốn Điều lệ là do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo quy định. Tại ngày phát hành Báo cáo này, Công ty mẹ và bốn Công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% vốn vẫn đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Sau khi có phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ có những điều chỉnh về Vốn Điều lệ theo quy định.

Kết luận ngoại trừ của Chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề nêu trên.



Nguyễn Tài Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 15/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 10/01/2024 của Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.706.681.221.713 ✓	1.667.891.478.445 ✓
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	48.042.269.583 ✓	55.925.027.852 ✓
1. Tiền	111		14.517.269.583 ✓	32.726.027.852 ✓
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.525.000.000 ✓	23.199.000.000 ✓
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	125.155.882.098 ✓	122.155.882.098 ✓
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.467.690.500 ✓	1.467.690.500 ✓
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		123.688.191.598 ✓	120.688.191.598 ✓
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		788.779.489.822 ✓	770.271.105.601 ✓
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	747.967.737.113 ✓	718.567.122.917 ✓
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	49.834.453.678 ✓	45.712.041.071 ✓
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		637.500.000 ✓	637.500.000 ✓
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	55.964.003.321 ✓	68.955.985.696 ✓
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(65.624.204.290) ✓	(63.601.544.083) ✓
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	696.196.251.650 ✓	674.624.617.630 ✓
1. Hàng tồn kho	141		697.169.941.585	674.624.617.630
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(973.689.935)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		48.507.328.560 ✓	44.914.845.264 ✓
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	3.061.097.000	2.355.519.946
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		44.415.457.066	40.999.800.329
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	1.030.774.494	1.559.524.989
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		807.443.169.558 ✓	829.625.273.935 ✓
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.753.798.968 ✓	1.834.832.331
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	1.753.798.968	1.834.832.331
II. Tài sản cố định	220		588.415.619.921 ✓	606.618.438.910 ✓
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	537.076.746.182	554.495.211.419
- Nguyên giá	222		1.018.711.243.209	1.017.974.180.686
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(481.634.497.027)	(463.478.969.267)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	19.685.491.784	19.911.166.368
- Nguyên giá	225		20.391.502.725	20.391.502.725
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(706.010.941)	(480.336.357)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	31.653.381.955	32.212.061.123
- Nguyên giá	228		41.081.362.956	41.081.362.956
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.427.981.001)	(8.869.301.833)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	26.065.345.564 ✓	26.516.667.280 ✓
- Nguyên giá	231		33.755.261.371	33.755.261.371
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.689.915.807)	(7.238.594.091)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.13	46.685.895.607 ✓	46.266.650.807 ✓
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		46.685.895.607	46.266.650.807
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	29.985.014.559 ✓	29.985.014.559 ✓
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.896.459.553	1.896.459.553
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		28.088.555.006	28.088.555.006
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		114.537.494.939 ✓	118.403.670.048 ✓
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	114.537.494.939	118.403.670.048
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.514.124.391.271 ✓	2.497.516.752.380 ✓

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.067.374.153.582	1.047.802.877.231
I. Nợ ngắn hạn	310		1.046.484.130.595	1.015.604.398.835
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	295.585.072.025	328.051.160.766
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		85.687.378.002	76.603.406.221
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	55.458.128.321	52.572.363.738
4. Phải trả người lao động	314		43.765.882.610	47.308.787.513
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	25.060.188.896	23.704.847.964
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		56.202.387	56.202.421
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	2.012.492.862	1.544.454.809
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	33.089.787.782	31.101.240.984
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	491.157.075.773	439.635.531.832
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		203.062.116	1.265.461.824
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.408.859.821	13.760.940.763
II. Nợ dài hạn	330		20.890.022.987	32.198.478.396
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.16	2.712.352.142	2.744.934.676
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	2.895.893.669	2.346.994.839
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	14.881.425.601	26.893.337.123
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342		400.351.575	213.211.758
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		1.446.750.237.689	1.449.713.875.149
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20	1.446.750.237.689	1.449.713.875.149
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.202.379.963)	(1.202.379.963)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.227.046.285	32.227.046.285
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(37.548.168.761)	(34.860.184.551)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(41.064.342.889)	(41.990.386.806)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.516.174.128	7.130.202.255
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		34.639.252.127	34.914.905.377
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.514.124.391.271	2.497.516.752.380

Người lập



Phạm Minh Đức

Phụ trách kế toán



Đào Văn Thắng

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lê Huy Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/6/2024	kết thúc ngày 30/6/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	789.710.989.478 ✓	569.360.565.684 ✓
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	116.352.600 ✓	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		789.594.636.878 ✓	569.360.565.684 ✓
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	714.038.048.835	491.014.692.552
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		75.556.588.043 ✓	78.345.873.132 ✓
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	7.500.249.709	6.929.337.232
7. Chi phí tài chính	22	6.5	19.131.111.277	22.657.154.620
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.017.131.690	22.206.998.076
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.6	5.211.436.944	3.427.773.831
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	58.153.545.152	57.629.500.908
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		560.744.379 ✓	1.560.781.005 ✓
12. Thu nhập khác	31	6.8	6.139.375.580	3.008.540.485
13. Chi phí khác	32	6.9	2.513.836.117	2.321.700.746
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.625.539.463 ✓	686.839.739 ✓
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.186.283.842 ✓	2.247.620.744 ✓
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	945.762.964	950.682.508
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.240.520.878 ✓	1.296.938.236 ✓
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		3.516.174.128 ✓	1.727.134.021 ✓
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(275.653.250) ✓	(430.195.785) ✓
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	24,8	9,3

Người lập



Phạm Minh Đức

Phụ trách kế toán



Đào Văn Thắng

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lê Huy Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/6/2024 VND	kết thúc ngày 30/6/2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.186.283.842	2.247.620.744
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		19.811.493.228	20.053.782.523
Các khoản dự phòng	03		1.884.407.703	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1.027.728.296)	(198.026.836)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.692.085.991)	(6.881.770.673)
Chi phí lãi vay	06		19.017.131.690	22.206.998.076
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		38.179.502.176	37.428.603.834
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.203.491.602	61.045.091.708
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(21.225.323.954)	(44.929.954.375)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(53.737.219.396)	(57.760.457.001)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.160.598.055	9.643.536.975
Tiền lãi vay đã trả	14		(18.367.391.882)	(21.950.008.127)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(321.994.230)	(1.123.805.026)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		274.774.089	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.499.635.665)	(2.057.858.477)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(50.333.199.205)	(19.704.850.491)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(946.731.222)	(3.034.680.794)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		45.454.545	181.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(78.816.139.523)	(105.688.191.598)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		75.816.139.523	74.316.139.523
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.711.825.503	5.351.233.454
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.810.548.826	(28.873.681.233)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/6/2024	kết thúc ngày 30/6/2023
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		384.994.541.998	343.863.205.106
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(343.856.707.993)	(319.744.541.109)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.628.201.586)	(442.978.965)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		39.509.632.419	23.675.685.032
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	50		(8.013.017.960)	(24.902.846.692)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	55.925.027.852	43.625.106.091
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		130.259.691	105.837.036
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5.1	48.042.269.583	18.828.096.435

Người lập



Phạm Minh Đức

Phụ trách kế toán



Đào Văn Thắng

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lê Huy Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước với tên gọi là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp. Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3168/QĐ-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên giao dịch là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 07 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 17 tháng 7 năm 2024 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 12 ngày 17 tháng 7 năm 2024 là: 1.419.915.000.000 VND (*Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*).

Tên giao dịch quốc tế: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION.

Tên viết tắt là: MIE.

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là MIE.

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các Công ty con tại ngày 30/6/2024 là: 852 người (tại ngày 31/12/2023 là 855 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí (thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, kim khí tiêu dùng, chi tiết cụm, chi tiết phụ tùng);
- Đầu tư, xây dựng, chế tạo, lắp đặt, vận hành và chuyển giao các nhà máy nhiệt điện, thủy điện độc lập;
- Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông đường bộ, công trình thủy lợi, các công trình hạ tầng đô thị;
- Tư vấn đầu tư và dịch vụ kỹ thuật công nghệ, công nghiệp; Kinh doanh thương mại...

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2024, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết, đơn vị trực thuộc như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

Tên	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
I. Công ty con			
1. Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Sản xuất chế tạo máy, cắt gọt kim loại, thiết bị công nghệ, Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị công nghiệp vật tư,...	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Thiết kế, chế tạo công nghệ dây chuyền bột giấy, chế tạo các kết cấu thép, thiết bị phụ tùng công nghiệp, kiểm tra X quang thiết bị chịu áp lực; Sản xuất các sản phẩm giấy, nhập khẩu thiết bị vật tư, kinh doanh kho bãi văn phòng, xuất nhập khẩu thiết bị điện, điện tử công nghiệp dân dụng.	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Mua bán, xuất nhập khẩu đồ gia dụng, nông sản, máy móc thiết bị, sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí...	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Môi giới thương mại ...	100%	100%
5. Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Sản xuất kinh doanh thiết bị máy móc, phụ tùng công nghiệp, hộp giảm tốc các loại khung nhà xưởng, thép cán xây dựng thép hình. Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị	98,189%	98,189%
6. Công ty CP Dụng cụ số 1	Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp và dụng cụ đo lường cơ khí.	51%	51%
II. Công ty liên doanh, liên kết			
1. Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội		20%	20%
III. Đơn vị trực thuộc			
1. Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (*)	Giao dịch, mua bán máy móc thiết bị, vật tư công nghiệp; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; ...	100%	100%
2. Công ty Xây lắp công nghiệp	Chuẩn bị mặt bằng; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; ...	100%	100%
3. Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật công nghiệp	Tư vấn đầu tư, dịch vụ công nghiệp và chuyển giao công nghệ; Thực hiện các nhiệm vụ do Tổng Công ty ủy quyền.	100%	100%

(*) Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (đơn vị trực thuộc) tạm ngừng hoạt động trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 30/11/2024 căn cứ theo Quyết định số 959/QĐ-MIE-TCNS ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP và Giấy xác nhận tạm ngừng hoạt động của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/11/2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 30/6/2024. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Quyết toán Cổ phần hóa

Tại ngày phát hành Báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang tiếp tục được thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), như: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)***Chứng khoán kinh doanh (Tiếp theo)*

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được coi là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả về thuê tài chính trên Bảng Cân đối kế toán theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	10 - 15

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhà

Số năm

40 - 50

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm: Công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng, chi phí sửa chữa và chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước (số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng).

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng có thể được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó thực sự phát sinh thì khoản chênh lệch (nếu có) được ghi bổ sung hoặc ghi giảm tương ứng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế sau khi thực hiện việc chia cổ tức cho các thành viên dựa trên tỷ lệ vốn góp theo quyết định của Hội đồng quản trị và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)*****Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; Giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Chi phí tài chính khác.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp và lắp đặt các thiết bị công nghiệp và chủ yếu hoạt động tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

N: C
ÔN
TN
EM
VI
HA

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	3.990.699.977	4.526.507.452
Tiền gửi ngân hàng	10.526.569.606	28.199.520.400
(*) Các khoản tương đương tiền	33.525.000.000	23.199.000.000
Tổng	48.042.269.583	55.925.027.852

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại, với lãi suất từ 2%/năm - 5%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
(**) CONTREXIM (7.625 CP)	378.200.000	57.950.000	-	378.200.000	57.950.000	-
(**) ABBANK (26.943 CP)	1.089.430.000	218.238.300	-	1.089.430.000	215.544.000	-
EIB (5 CP)	60.500	94.500	-	60.500	160.000	-
Tổng	1.467.690.500	276.282.800	-	1.467.690.500	273.654.000	-

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định căn cứ vào số lượng và giá đóng cửa của cổ phiếu đó trên thị trường chứng khoán Việt Nam tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(**) Là khoản đầu tư tài chính của Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí phát sinh trước thời điểm 30/9/2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp). Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, việc xử lý khoản đầu tư tài chính nêu trên cùng với các khoản đầu tư khác đang chờ kết quả phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP. Do vậy, Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí chưa trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán nêu trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn {i}	123.688.191.598	123.688.191.598	120.688.191.598	120.688.191.598
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	21.000.000.000	21.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	9.372.052.075	9.372.052.075	9.372.052.075	9.372.052.075
Ngân hàng TMCP Á Châu	20.000.000.000	20.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	8.000.000.000	8.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	51.316.139.523	51.316.139.523	51.316.139.523	51.316.139.523
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	12.500.000.000	12.500.000.000	12.500.000.000	12.500.000.000
Tổng	123.688.191.598	123.688.191.598	120.688.191.598	120.688.191.598

(i) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng, với lãi suất từ 3,1 %/năm – 5.1 %/ năm;

Ngoài ra, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương đã được Tổng Công ty sử dụng để cầm cố, thế chấp cho các khoản bảo lãnh của Tổng Công ty tại ngân hàng này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh	123.507.495	(*)	-	123.507.495	(*)	-
Liên doanh tòa nhà IBC 37 Tràng Thi	23.507.495		-	23.507.495		-
Công ty Cổ phần Công đoàn Giấy	100.000.000		-	100.000.000		-
Đầu tư vào công ty liên kết	1.772.952.058	(*)	-	1.772.952.058	(*)	-
{1} Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	1.772.952.058		-	1.772.952.058		-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	28.088.555.006	(*)	-	28.088.555.006	(*)	-
{2} Công ty CP Đầu tư và Phát triển Địa ốc Hoàng Gia	9.520.000.000		-	9.520.000.000		-
{3} Công ty CP Đá Mài Hải Dương	3.381.542.806		-	3.381.542.806		-
{4} Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng	1.432.012.200		-	1.432.012.200		-
{5} Công ty CP Xi măng Đồng Bành	12.905.000.000		-	12.905.000.000		-
a. <i>Vốn góp của các cổ đông khác</i>	<i>11.585.000.000</i>		-	<i>11.585.000.000</i>		-
b. <i>Vốn góp của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (khoản đầu tư của Mecanimex)</i>	<i>1.320.000.000</i>		-	<i>1.320.000.000</i>		-
Công ty CP Café HASA	850.000.000		-	850.000.000		-
Tổng	29.985.014.559		-	29.985.014.559		-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

{1} Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội: Vốn Điều lệ là 90.000.000.000 VND chia thành 900.000 cổ phần, Tổng Công ty sở hữu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 1.800.000.000 VND. Tại ngày 20/01/2017, Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội được Tổng Công ty ghi nhận là 1.772.952.058 VND.

{2} Công ty CP Đầu tư và Phát triển Địa ốc Hoàng Gia có Vốn Điều lệ là 2.443.000.000.000 VND. Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội là một trong số các cổ đông sáng lập Công ty CP Đầu tư và Phát triển Địa ốc Hoàng Gia với tỷ lệ sở hữu tại thời điểm góp vốn là 2,149%.

{3} Công ty CP Đá Mài Hải Dương: Được chuyển đổi từ Công ty Đá Mài trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.000.000.000 VND, chiếm 2,22% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Căn cứ vào kết quả xác định giá trị đã được phê duyệt, khoản đầu tư này được đánh giá lại là 1.631.736.071 VND. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 3.717.410.306 VND. Tại ngày 30/6/2024, giá trị khoản đầu tư này được ghi nhận là 3.381.542.806 VND (Tổng Công ty nhận được khoản cổ tức của giai đoạn trước, sau khi chuyển sang Công ty cổ phần).

{4} Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng: Được đổi từ Nhà Máy Cơ khí Chế tạo Hải Phòng trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.037.690.000 VND, chiếm 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 1.463.141.355 VND. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), căn cứ vào giá giao dịch cổ phiếu của Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng, Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 1.432.012.200 VND. Ngày 27/3/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 269/CV-MIE-HĐQT gửi Bộ Công thương về việc thoái vốn MIE đầu tư tại Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng. Ngày 04/5/2018, Bộ Công thương đã có Công văn số 3475/BCT-CN đồng ý về việc thoái hết phần vốn Tổng Công ty đầu tư tại Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng. Tuy nhiên việc thoái vốn không thành công và Tổng công ty đã báo cáo với Bộ Công thương.

{5} Công ty CP Xi măng Đồng Bành: Vốn Điều lệ là 301.000.000.000 VND. Ban đầu, khoản đầu tư này được Tổng Công ty ghi nhận là 31.200.000.000 VND, chiếm 10,37% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 27.298.839.658 VND. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 12.905.000.000 VND.

Ngoài ra, ngày 27/9/2023, Tổng Công ty đã hoàn thành xây dựng "Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP". Tổng Công ty đã gửi Công văn số 853/CV-MIE-ĐDV ngày 27/9/2023 đến Bộ Công thương chờ phê duyệt "Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP".

(*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và Các khoản đầu tư khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 bởi vì không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về cách xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.3 Phải thu của khách hàng	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	747.967.737.113	718.567.122.917
Ban Quản lý dự án Điện 2 - Tập đoàn điện lực Việt Nam	24.265.702.625	28.232.045.741
Công ty CP Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	41.536.297.736	41.536.297.736
Công ty TNHH 289	51.141.769.610	51.141.769.610
Công ty Cổ phần Nam Vang	46.406.826.594	46.556.854.941
Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179	48.548.795.542	25.143.950.947
Công ty TNHH đầu tư và thương mại công nghiệp Hưng Phát	106.751.689.285	73.626.365.595
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thiết bị công nghệ HHT	31.692.361.399	44.735.326.767
Công ty TNHH Quang Tuyến Việt Nam	59.715.441.240	62.375.441.240
{1} Khách hàng của Xí nghiệp kinh doanh XNK Tổng hợp	328.790.740	328.790.740
{2} Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ và Thương mại Việt Nam	28.315.360.500	28.315.360.500
{2} Các khách hàng khác tại Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	30.724.132.541	30.724.132.541
{3} Công ty CP TM & SX Thiên Hoàng Long	17.968.958.323	18.003.231.223
{3} Các khách hàng khác tại Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Sản phẩm cơ khí	2.933.433.890	2.933.433.890
Thu đối tượng khác	257.638.177.088	264.914.121.446
Tổng	747.967.737.113	718.567.122.917

Phải thu khách hàng bao gồm những khoản công nợ tồn đọng của các Công ty con của Tổng Công ty, gồm:

(1) Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung

Khoản công nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung với số tiền là 328.790.740 VND.

Ngoài khoản công nợ phải thu nói trên, Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp còn các khoản nợ tồn đọng khác, gồm: Phải thu khác với số tiền 18.184.136.530 VND (Thuyết minh 5.5 - "Phải thu khác"), Trả trước cho người bán: 234.572.661 VND (Thuyết minh 5.4 - "Trả trước cho người bán"), Phải trả người bán: 10.527.414.264 VND (Thuyết minh 5.14 - "Phải trả người bán") và khoản vay với tổng số tiền là 1.446.904.132 VND (Thuyết minh 5.19 - "Vay và nợ thuê tài chính").

Các khoản công nợ tồn đọng trên có liên quan đến vụ án và cùng một đối tượng là ông Nguyễn Duy Xuyên - nguyên Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp - đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung. Do có những dấu hiệu cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 142/PC44 (Đ2) ngày 19/4/2013 khởi tố vụ án hình sự, Quyết định số 572/PC44(Đ2) ngày 05/8/2013 và lệnh bắt tạm giam số 76/PC44(Đ2) cùng ngày khởi tố bị can đối với Ông Nguyễn Duy Xuyên.

Theo Bản án phúc thẩm số 536/2022/HS-PT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: Sửa một phần quyết định về hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2020/HS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.3 Phải thu của khách hàng (Tiếp theo)

- (i) Buộc Nguyễn Duy Xuyên và Thân Thị Nhậm phải liên đới bồi thường cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội (Agribank - Chi nhánh Nam Hà Nội) số tiền 24.990.000.000 VND và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (Vietinbank - Chi nhánh Đông Hà Nội) số tiền 24.262.809.296 VND. Tổng cộng buộc Nguyễn Duy Xuyên và Thân Thị Nhậm phải bồi thường trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội là 49.252.809.296 VND. Chia theo tỷ phần, Nguyễn Duy Xuyên phải bồi thường là 30.000.000.000 VND, Thân Thị Nhậm phải bồi thường là 19.252.809.296 VND.
- (ii) Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung số 96/CV-CKQT ngày 24 tháng 02 năm 2020 gửi Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trả lại cho Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung tổng số tiền gốc là 695.138.503 VND và tiền lãi suất theo quy định của Ngân hàng tính đến ngày thanh toán hết gốc và lãi.

Ngày 18/7/2023, Ban Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung đã họp (Biên bản họp) và đồng ý xử lý theo đúng các nội dung đã nêu tại tờ trình số 26.06/CKQT-TCKT ngày 26/6/2023. Theo Biên bản họp này, Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung còn tồn tại các vấn đề chưa được xử lý do Công ty chưa thể làm việc được đối với ông Nguyễn Duy Xuyên và bà Thân Thị Nhậm để xác định các thiệt hại mà các đối tượng này đã trực tiếp (hoặc gián tiếp) gây ra cho Xí nghiệp kinh doanh XNK Tổng hợp cũng như các biện pháp khắc phục hậu quả. Sau khi xác định được tồn thất, Công ty sẽ thực hiện các xử lý tài chính tiếp theo.

(2) Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật

Khoản công nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật (sau đây gọi tắt là "Techno Import") với số tiền là 59.039.493.041 VND quá hạn thanh toán tính đến 30/9/2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty) phát sinh từ những giao dịch bán hàng hóa. Hiện tại, Công ty này cùng với Công ty mẹ đang chờ phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của cấp có thẩm quyền và thực hiện thoái vốn theo chủ trương, do vậy, Techno Import chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ tồn đọng này.

(3) Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí

Khoản công nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí phát sinh sau ngày 30/9/2014 đã quá hạn thanh toán 03 năm hoặc thu hồi chậm với số tiền là 20.902.392.213 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.4 Trả trước cho người bán	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tam Long	1.005.757.988	1.005.757.988
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng cơ khí Đồng Tâm	5.582.187.200	-
Công ty CP Kết cấu thép và Thiết bị nâng hạ Hoàng Anh	3.900.000.000	6.215.493.361
Công ty TNHH Hoàng Nam (*)	6.683.910.393	6.683.910.393
Chi nhánh Cty TNHH TM và DV Sài Gòn CALI (*)	8.028.886.473	8.028.886.473
Công ty TNHH Cà Phê Hoàng Thiên (*)	4.045.239.997	4.045.239.997
Công ty TNHH Trà - Cà phê Trường Thọ (*)	1.206.227.898	1.206.227.898
Công ty CP Cà phê HASA (*)	585.238.528	585.238.528
Khách hàng của Xí nghiệp kinh doanh XNK Tổng hợp (**)	234.572.661	234.572.661
Các khách hàng khác	18.562.432.540	17.706.713.772
Tổng	49.834.453.678	45.712.041.071

(*) Khoản công nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí, bao gồm khoản tiền ứng trước cho các hợp đồng mua hàng hóa (phát sinh trước thời điểm 30/9/2014) nhưng đã bị hủy mà Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí chưa thu hồi được với số tiền là 20.549.503.289 VND. Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí vẫn đang chờ các cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý khoản công nợ này khi phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.

(**) Khoản nợ xấu của Xí nghiệp kinh doanh XNK Tổng hợp - đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung (Công ty con) phát sinh trong giai đoạn ông Nguyễn Duy Xuyên làm Giám đốc điều hành của Xí nghiệp kinh doanh XNK Tổng hợp. Hiện tại, Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung vẫn đang trong giai đoạn xử lý các vấn đề tồn tại của Xí nghiệp nhưng có liên quan đến ông Nguyễn Duy Xuyên và các cá nhân khác có liên quan.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.5 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	55.964.003.321	243.533.062	68.955.985.696	243.533.062
Phải thu về cổ phần hóa	5.254.084.019	-	5.254.084.019	-
Ký cược, ký quỹ	4.979.517.868	-	6.332.835.292	-
Bảo hiểm xã hội	3.166.685	-	5.267.233	-
Tạm ứng	11.080.872.925	-	20.466.570.145	-
{1} Phải thu của Nguyễn Duy Xuyên và đối tượng liên quan	18.184.136.530	-	18.184.136.530	-
{i} Nguyễn Duy Xuyên (*)	3.113.960.981	-	3.113.960.981	-
{ii} Nguyễn Duy Xuyên - Thân Thị Nhậm (**)	15.070.175.549	-	15.070.175.549	-
Phải thu khác	16.462.225.294	243.533.062	18.713.092.477	243.533.062
{2} Cục Hải quan thành phố Hải Phòng	6.115.416.932	-	6.115.416.932	-
Phải thu khác tại TechNo	861.442.984	243.533.062	861.442.984	243.533.062
Thu khác	9.485.365.378	-	11.736.232.561	-
b) Dài hạn	1.753.798.968	-	1.834.832.331	-
Tiền GPMB chờ bù trừ tiền thuê đất hàng năm	851.522.368	-	1.019.955.731	-
Ký cược, ký quỹ	814.876.600	-	814.876.600	-
Phải thu khác	87.400.000	-	-	-
Tổng	57.717.802.289	243.533.062	70.790.818.027	243.533.062

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.5 Phải thu khác (Tiếp theo)

(1) Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung

Đây là khoản công nợ có liên quan đến ông Nguyễn Duy Xuyên - nguyên Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp - đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung đã được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số (1) - Mục 5.3. “Phải thu của khách hàng”. Theo đó:

- {i} Khoản phải thu của ông Nguyễn Duy Xuyên sau khi đã được Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung thực hiện điều chỉnh số liệu kế toán;
- {ii} Khoản phải thu liên quan ông Nguyễn Duy Xuyên và bà Thân Thị Nhậm sau khi đã được Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung thực hiện điều chỉnh số liệu kế toán. Theo đó, một số hậu quả mà hai đối tượng này gây ra theo Bản án phúc thẩm số 536/2022/HS-PT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhưng không tách biệt riêng rẽ theo từng đối tượng nên đã được Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung xử lý chung vào đối tượng “Nguyễn Duy Xuyên và Thân Thị Nhậm”.

(2) Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật

Cuối năm 2004, đầu năm 2005, Chi nhánh Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật nhập khẩu lô hàng ô tô của 23 hợp đồng và đã thực hiện nộp thuế nhập khẩu đầy đủ theo quy định (Công văn số 242/HQHP-PNV ngày 29/4/2010 của Cục Hải quan Hải Phòng). Tuy nhiên, Tổng Cục Hải Quan cho rằng, Công ty khai báo giá trị tính thuế không đúng quy định và yêu cầu truy thu thuế. Sau đó, hồ sơ đã được gửi sang Cục cảnh sát điều tra tội phạm về quản lý kinh tế và chức vụ (Công văn số 87/TCHQ-ĐT ngày 08/02/2007 của Tổng Cục) - Hồ sơ này đã được Bộ Công an có ý kiến gửi Thủ tướng Chính phủ; Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 343/VPCP-KTTH ngày 17/01/2011 thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng: Tổng cục Hải quan căn cứ quy định của Pháp luật về thuế và Pháp luật về hải quan để truy thu thuế với số xe ô tô nhập khẩu năm 2004 - 2005 của doanh nghiệp khai báo giá trị tính thuế không đúng quy định nhưng chưa nộp đủ số tiền vào ngân sách Nhà nước.

Ngày 24/11/2014, Bộ Công thương đã có Văn bản số 11767/BCT-TC trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Tổng Cục Hải Quan giải tỏa cưỡng chế thuế đối với Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật và trả lại tiền đã thu cưỡng chế thuế, cho phép xóa khoản phải truy thu thuế 6.115.416.932 VND của Chi nhánh Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật.

Ngày 12/6/2015, Bộ Tài chính đã có Văn bản số 7818/BTC-TCDN về việc xử lý tồn tại khi cổ phần hóa Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp, công văn có nêu “Khoản truy thu thuế của Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật sẽ được xử lý sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ”.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.5 Phải thu khác (Tiếp theo)**(2) Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật (Tiếp theo)**

Thông tin bổ sung về việc thoái vốn tại Techno Import: ngày 26/3/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 276/CV-MIE-DDV trình Bộ Công thương về việc báo cáo và đề xuất thực hiện tái cơ cấu Techno Import. Ngày 22/6/2018, Bộ Công thương đã có Công văn số 4961/BCT- CN về việc tái cơ cấu Techno Import đồng ý chủ trương thoái vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Techno Import. Ngày 29/8/2018, Bộ Công thương có Công văn số 6935/BCT-CN về phương án thoái vốn của MIE tại Techno Import. Ngày 29/11/2018, Bộ Tài chính đã có Công văn số 14893/BTC-TCDN về việc hướng dẫn thực hiện thoái vốn MIE đầu tư tại Techno Import. Ngày 19/4/2019, Tổng công ty có văn bản số 321/CV-MIE-DDV trình Bộ Công Thương xem xét, chấp thuận Phương án chuyển nhượng tài sản vốn góp của Tổng công ty tại Công ty Technoimport. Theo đó, Tổng công ty xin đề nghị vận dụng Nghị định số 128/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ về bán, giao và chuyển giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước để thực hiện quy trình, thủ tục chuyển nhượng tài sản vốn góp của Tổng công ty tại Techno Import thông qua phương thức bán đấu giá doanh nghiệp có kế thừa công nợ. Ngày 08/7/2019, Bộ Công thương đã có văn bản số 4857/BCT-CN nêu rõ Tổng công ty không thuộc đối tượng và điều kiện áp dụng của Nghị định số 128/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, việc thoái vốn tại Techno Import của Tổng Công ty vẫn chưa xong.

5.6 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Ngắn hạn						
Phải thu của khách hàng	158.697.506.796	93.393.835.568	(65.303.671.228)	152.507.565.384	89.226.554.363	(63.281.011.021)
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng	2.196.370.548	-	(2.196.370.548)	2.196.370.548	-	(2.196.370.548)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ kỹ thuật TJS	1.074.362.256	-	(1.074.362.256)	1.074.362.256	-	(1.074.362.256)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	41.536.297.736	35.736.297.736	(5.800.000.000)	41.536.297.736	35.736.297.736	(5.800.000.000)
Chi nhánh Tư vấn thiết kế & xây dựng	269.196.839	-	(269.196.839)	269.196.839	-	(269.196.839)
Công ty CP Cơ khí LICOGI 16	512.859.599	-	(512.859.599)	512.859.599	-	(512.859.599)
Công ty TNHH 289	51.141.769.610	21.749.542.548	(29.392.227.062)	51.141.769.610	21.749.542.548	(29.392.227.062)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.6 Nợ xấu (Tiếp theo)

	30/6/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Công ty Cổ phần Nam Vang	46.556.854.941	31.432.077.784	(15.124.777.157)	46.556.854.941	31.432.077.784	(15.124.777.157)
Công ty tư vấn Công trình thủy I	62.004.000	-	(62.004.000)	62.004.000	-	(62.004.000)
Công ty Cổ phần Mía đường sông Đình	19.526.259	-	(19.526.259)	19.526.259	-	(19.526.259)
Công ty xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm Đà Nẵng	35.943.400	-	(35.943.400)	35.943.400	-	(35.943.400)
Công ty TNHH NN MTV đóng tàu Phà Rừng	25.331.000	-	(25.331.000)	25.331.000	-	(25.331.000)
Xí nghiệp sản xuất ống thép hàn cơ khí Quang Trung	100.000.000	-	(100.000.000)	100.000.000	-	(100.000.000)
Viện nghiên cứu cơ khí	25.937.400	-	(25.937.400)	25.937.400	-	(25.937.400)
Chi nhánh công ty TNHH Duyên Hà - Nhà máy xi măng Duyên Hà	196.956.250	-	(196.956.250)	196.956.250	-	(196.956.250)
Công ty cổ phần xây dựng 699	402.114.696	-	(402.114.696)	402.114.696	-	(402.114.696)
Công ty cơ khí hóa chất Hà Bắc	80.583.400	-	(80.583.400)	80.583.400	-	(80.583.400)
Ban quản lý dự án nhà máy xi măng Thái Nguyên	1.843.705.600	-	(1.843.705.600)	1.843.705.600	-	(1.843.705.600)
Đường Quảng Ngãi	21.283.743	-	(21.283.743)	21.283.743	-	(21.283.743)
Đường Tuyên Quang	305.192.800	-	(305.192.800)	305.192.800	-	(305.192.800)
Công ty Nhật Linh	544.656.400	-	(544.656.400)	544.656.400	-	(544.656.400)
Công ty lắp máy xây dựng số 3	144.605.164	-	(144.605.164)	144.605.164	-	(144.605.164)
Công ty Xuân Hòa	77.000.000	-	(77.000.000)	77.000.000	-	(77.000.000)
Tổng công ty cơ khí xây dựng COMA	99.964.035	-	(99.964.035)	99.964.035	-	(99.964.035)

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.6 Nợ xấu (Tiếp theo)

	30/6/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Liên doanh VIKOWA	162.500.000	-	(162.500.000)	162.500.000	-	(162.500.000)
Công ty Sao đỏ	256.750.000	-	(256.750.000)	256.750.000	-	(256.750.000)
Công ty Simac - Italy	461.213.726	-	(461.213.726)	461.213.726	-	(461.213.726)
Công ty Fourdry Chemical System	231.128.561	-	(231.128.561)	231.128.561	-	(231.128.561)
Ban quản lý dự án nhà máy giấy Lai Châu	422.385.000	-	(422.385.000)	422.385.000	-	(422.385.000)
Công ty xây dựng số 2 Lai Châu	540.960.500	-	(540.960.500)	540.960.500	-	(540.960.500)
Xí nghiệp xây dựng số 2 - Công ty xây dựng số 1	253.694.700	-	(253.694.700)	253.694.700	-	(253.694.700)
Xí nghiệp lắp máy và xây dựng Miền Nam - Công ty lắp máy	51.020.000	-	(51.020.000)	51.020.000	-	(51.020.000)
Taag Machinery - Máy xuất khẩu Mỹ	51.142.244	-	(51.142.244)	51.142.244	-	(51.142.244)
Công ty liên doanh mía đường Nghệ An	1.500.000	-	(1.500.000)	1.500.000	-	(1.500.000)
Công ty Cổ phần Lisemco	594.642.814	-	(594.642.814)	594.642.814	-	(594.642.814)
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	410.182.449	189.054.735	(221.127.714)	410.182.449	189.054.735	(221.127.714)
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	398.605.200	119.581.560	(279.023.640)	398.605.200	119.581.560	(279.023.640)
Công ty CP Đầu tư Bắc Thành Công	1.163.622.735	-	(1.163.622.735)	1.163.622.735	-	(1.163.622.735)
Công ty TNHH Kỹ thuật thương mại BALKAN	235.701.779	-	(235.701.779)	235.701.779	-	(235.701.779)

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.6 Nợ xấu (Tiếp theo)

	30/6/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Công ty Cổ phần thủy điện Sông Vàng	5.953.258.864	4.167.281.205	(1.785.977.659)	-	-	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	14.629.322	-	(14.629.322)	-	-	-
Công ty TCCG Lắp máy COMA1	46.675.203	-	(46.675.203)	-	-	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng dầu khí Kim Liên	42.118.385	-	(42.118.385)	-	-	-
Công ty CP LILAMA 10	8.965.451	-	(8.965.451)	-	-	-
Công ty CP ĐTTM và TH Quang Minh	1.040.419	-	(1.040.419)	-	-	-
Công ty CP Cơ khí và Kết cấu thép Sóc Sơn	91.023.768	-	(91.023.768)	-	-	-
Công ty TNHH Cơ khí chính xác Thăng Long	330.000	-	(330.000)	-	-	-
Công ty Bột giấy VNT 19	31.900.000	-	(31.900.000)	-	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	77.000.000	-	(77.000.000)	77.000.000	-	(77.000.000)
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Dịch vụ Đầu tư	77.000.000	-	(77.000.000)	77.000.000	-	(77.000.000)
Phải thu khác	243.533.062	-	(243.533.062)	243.533.062	-	(243.533.062)
Công ty Cung ứng Thiết bị điện	16.503.327	-	(16.503.327)	16.503.327	-	(16.503.327)
Công ty Hoài Nam	119.559.455	-	(119.559.455)	119.559.455	-	(119.559.455)
Công ty Mía đường Đặc Lắc	107.470.280	-	(107.470.280)	107.470.280	-	(107.470.280)
Tổng	159.018.039.858	93.393.835.568	(65.624.204.290)	152.828.098.446	89.226.554.363	(63.601.544.083)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.7 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	72.588.959.642	-	57.985.481.500	-
Công cụ, dụng cụ	6.170.205.356	(135.000.000)	6.010.751.391	-
Chi phí SXKD dở dang	514.997.287.101	-	496.060.540.237	-
Thành phẩm	73.961.165.218	(838.689.935)	76.097.242.240	-
Hàng hoá	27.579.335.086	-	36.965.499.732	-
Hàng gửi bán	1.872.989.182	-	1.505.102.530	-
Tổng	697.169.941.585	(973.689.935)	674.624.617.630	-

5.8 Chi phí trả trước

30/6/2024

01/01/2024

VND

VND

a) Ngắn hạn	3.061.097.000	2.355.519.946
Công cụ, dụng cụ phân bổ	112.059.527	9.518.759
Chi phí trả trước chờ phân bổ	2.949.037.473	2.346.001.187
b) Dài hạn	114.537.494.939	118.403.670.048
Tiền thuê đất trả trước	66.536.929.210	67.344.102.208
Tiền đền bù GPMB	2.117.850.608	2.176.679.792
Công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước dài hạn khác	45.882.715.121	48.882.888.048
Tổng	117.598.591.939	120.759.189.994

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.9 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	<i>Đơn vị tính: VND</i>					Tổng
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2024	572.456.839.226	393.416.304.159	46.309.758.458	2.097.887.479	3.693.391.364	1.017.974.180.686
Tăng trong kỳ	321.106.301	758.422.222	-	77.824.000	-	1.157.352.523
Mua trong kỳ	-	758.422.222	-	77.824.000	-	836.246.222
XDCB hoàn thành	321.106.301	-	-	-	-	321.106.301
Giảm trong kỳ	-	-	(420.290.000)	-	-	(420.290.000)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(420.290.000)	-	-	(420.290.000)
Số dư tại ngày 30/6/2024	572.777.945.527	394.174.726.381	45.889.468.458	2.175.711.479	3.693.391.364	1.018.711.243.209
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2024	179.978.553.765	247.880.106.010	33.388.955.909	1.703.396.020	527.957.563	463.478.969.267
Tăng trong kỳ	8.052.507.853	9.052.874.661	1.309.774.175	97.254.367	63.406.704	18.575.817.760
Khấu hao trong kỳ	8.052.507.853	9.052.874.661	1.309.774.175	97.254.367	63.406.704	18.575.817.760
Giảm trong kỳ	-	-	(420.290.000)	-	-	(420.290.000)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(420.290.000)	-	-	(420.290.000)
Số dư tại ngày 30/6/2024	188.031.061.618	256.932.980.671	34.278.440.084	1.800.650.387	591.364.267	481.634.497.027
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2024	392.478.285.461	145.536.198.149	12.920.802.549	394.491.459	3.165.433.801	554.495.211.419
Tại ngày 30/6/2024	384.746.883.909	137.241.745.710	11.611.028.374	375.061.092	3.102.027.097	537.076.746.182

- Nguyên giá các TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 61.212.846.257 VND (tại ngày 31/12/2023 là 53.763.334.452 VND).
- Tại ngày 30/6/2024, Tổng Công ty đã sử dụng tài sản trên đất là trụ sở Tổng Công ty tại 7A Mạc Thị Bưởi, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội làm tài sản thế chấp cho hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/31009/HĐTD ngày 21/12/2023 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Giá trị còn lại của tài sản này tại ngày 30/6/2024 là: 23.450.951.648 VND và tại ngày 31/12/2023 là: 24.232.650.038 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.10 Tăng, giảm Tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2024	20.391.502.725	20.391.502.725
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2024	20.391.502.725	20.391.502.725
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2024	480.336.357	480.336.357
Tăng trong kỳ	225.674.584	225.674.584
Khấu hao trong kỳ	225.674.584	225.674.584
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2024	706.010.941	706.010.941
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2024	19.911.166.368	19.911.166.368
Tại ngày 30/6/2024	19.685.491.784	19.685.491.784

5.11 Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2024	37.220.221.480	3.861.141.476	41.081.362.956
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2024	37.220.221.480	3.861.141.476	41.081.362.956
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2024	7.248.665.724	1.620.636.109	8.869.301.833
Khấu hao trong kỳ	427.692.550	130.986.618	558.679.168
Số dư tại ngày 30/6/2024	7.676.358.274	1.751.622.727	9.427.981.001
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2024	29.971.555.756	2.240.505.367	32.212.061.123
Tại ngày 30/6/2024	29.543.863.206	2.109.518.749	31.653.381.955

Nguyên giá các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 639.891.526 VND (tại ngày 31/12/2023 là 639.891.526 VND)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.12 Tăng, giảm Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2024	Tăng trong		Giảm trong	
		kỳ		kỳ	
					30/6/2024
Bất động sản đầu tư cho thuê					
NGUYÊN GIÁ	33.755.261.371	-	-	-	33.755.261.371
Nhà và cơ sở hạ tầng	33.755.261.371	-	-	-	33.755.261.371
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỆN KẾ	7.238.594.091	451.321.716	-	-	7.689.915.807
Nhà và cơ sở hạ tầng	7.238.594.091	451.321.716	-	-	7.689.915.807
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	26.516.667.280	-	451.321.716	-	26.065.345.564
Nhà và cơ sở hạ tầng	26.516.667.280	-	451.321.716	-	26.065.345.564

Bất động sản đầu tư cho thuê tại tầng 4, Tòa nhà SME Hoàng Gia, số 12 Tô Hiệu, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội và nhà xưởng có địa chỉ tại số 133, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng được Tổng Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và 6.2 với số tiền lần lượt là 1.716.333.659 VND và 451.321.176 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2024 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

5.13 Tài sản dở dang dài hạn

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Xây dựng cơ bản dở dang				
Dự án Di chuyển và xây dựng nhà máy của Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	45.580.806.503	45.580.806.503	45.580.806.503	45.580.806.503
Chi phí khác	1.105.089.104	1.105.089.104	685.844.304	685.844.304
Tổng	46.685.895.607	46.685.895.607	46.266.650.807	46.266.650.807

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.14 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	295.585.072.025	285.057.657.761	328.051.160.766	317.523.746.502
Doanh nghiệp tư nhân Trung Anh	9.535.728.170	9.535.728.170	11.430.486.870	11.430.486.870
Công ty Cổ phần Đầu tư và giải pháp công nghệ Toàn	24.811.766.579	24.811.766.579	24.811.766.579	24.811.766.579
Công ty cổ phần IMEC Toàn Cầu	85.015.515.342	85.015.515.342	64.557.812.842	64.557.812.842
Công ty TNHH Ngô Hoàng	4.624.056.040	4.624.056.040	23.849.452.000	23.849.452.000
Công Ty TNHH Đầu Tư SX và TM Thép Hà Nội	43.067.680.810	43.067.680.810	39.335.081.250	39.335.081.250
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển năng lượng xanh	-	-	25.289.858.491	25.289.858.491
(*) Phải trả tại Xí nghiệp Kinh doanh XNK Tổng hợp	10.527.414.264	-	10.527.414.264	-
Các đối tượng khác	118.002.910.820	118.002.910.820	128.249.288.470	128.249.288.470
Tổng	295.585.072.025	285.057.657.761	328.051.160.766	317.523.746.502

- (*) Khoản nợ phải trả này có liên quan đến ông Nguyễn Duy Xuyên trong giai đoạn Ông Nguyễn Duy Xuyên làm Giám đốc điều hành của Xí nghiệp kinh doanh XNK Tổng hợp - đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung. Theo đó, Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung sẽ tiếp tục xác minh khoản nợ phải trả này để từ đó xác định nghĩa vụ trả nợ thuộc về ông Nguyễn Duy Xuyên hoặc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.15 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2024
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	14.788.855.158	4.824.831.598	4.287.261.146	15.326.425.610
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.684.381.427	-	-	2.684.381.427
Thuế xuất, nhập khẩu	2.209.306.104	223.917.240	223.917.240	2.209.306.104
Thuế TNDN	266.955.800	743.385.852	280.375.090	729.966.562
Thuế thu nhập cá nhân	201.740.678	181.169.007	125.418.402	257.491.283
Tiền thuê đất	19.018.538.341	2.954.443.825	2.325.174.336	19.647.807.830
Phải nộp khác	13.402.586.230	1.554.192.434	354.029.159	14.602.749.505
Tổng	52.572.363.738	10.481.939.956	7.596.175.373	55.458.128.321
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	347.521.202	53.803.668	36.163.388	329.880.922
Thuế xuất, nhập khẩu	439.925	41.279.568	41.279.568	439.925
Thuế TNDN	552.923.851	250.441.727	31.465.921	333.948.045
Thuế thu nhập cá nhân	97.841.865	279.527.963	276.109.229	94.423.131
Tiền thuê đất	457.530.000	987.677.412	705.512.320	175.364.908
Phải nộp khác	103.268.146	10.550.583	4.000.000	96.717.563
Tổng	1.559.524.989	1.626.280.921	1.097.530.426	1.030.774.494

5.16 Chi phí phải trả

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	25.060.188.896	23.704.847.964
Lãi vay phải trả	5.946.338.604	5.937.133.670
Trích trước chi phí vận hành mặt bằng tòa nhà Tincom City	479.836.801	252.503.267
Chi phí thuê Văn phòng, nhà xưởng	16.959.541.462	15.750.140.442
Chi phí xây dựng các công trình	1.435.272.621	1.435.272.621
Chi phí phải trả khác	239.199.408	329.797.964
b) Dài hạn	2.712.352.142	2.744.934.676
Chi phí phải trả về dự án di dời nhà máy	2.712.352.142	2.712.352.142
Chi phí phải trả khác	-	32.582.534
Tổng	27.772.541.038	26.449.782.640

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.17 Doanh thu chưa thực hiện	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	2.012.492.862	1.544.454.809
Cho thuê văn phòng, nhà xưởng	2.012.492.862	1.544.454.809
Tổng	2.012.492.862	1.544.454.809
5.18 Phải trả khác	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	33.089.787.782	31.101.240.984
Thu của cán bộ, công nhân viên góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Bành	11.585.000.000	11.585.000.000
Kinh phí công đoàn	931.002.772	696.807.882
Bảo hiểm xã hội	2.464.196.765	1.220.912.183
Bảo hiểm y tế	265.317.941	177.968.172
Bảo hiểm thất nghiệp	191.721.360	76.987.238
Phải trả về CPH	4.257.988.040	4.257.988.040
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.404.403.958	1.339.835.958
Phải trả chậm nộp thuế	-	2.346.441.178
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.990.156.946	9.399.300.333
b) Dài hạn	2.895.893.669	2.346.994.839
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.895.893.669	2.346.994.839
Tổng	35.985.681.451	33.448.235.823

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.19 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		Trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	491.157.075.773	489.710.171.641	384.994.541.998	333.472.998.057	439.635.531.832	438.188.627.700
Vay ngân hàng (VND)	472.841.230.755	472.841.230.755	383.595.244.977	327.712.861.612	416.958.847.390	416.958.847.390
{1} Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Nội	9.884.802.756	9.884.802.756	15.896.565.141	6.011.762.385	-	-
{2} Ngân hàng TMCP VietinBank - Chi nhánh Thanh Xuân	26.548.718.970	26.548.718.970	22.831.174.970	22.297.436.675	26.014.980.675	26.014.980.675
{3} Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	74.953.469.388	74.953.469.388	40.543.962.038	40.582.594.063	74.992.101.413	74.992.101.413
Ngân hàng TMCP Vietcombank - Chi nhánh Thành Công	-	-	-	2.853.484.610	2.853.484.610	2.853.484.610
{4} Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	284.515.670.015	284.515.670.015	252.349.564.573	244.976.535.131	277.142.640.573	277.142.640.573
{5} Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	49.995.688.605	49.995.688.605	48.420.949.392	3.425.260.787	5.000.000.000	5.000.000.000
{6} Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Long Biên	25.960.080.491	25.960.080.491	-	-	25.960.080.491	25.960.080.491
{7} Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Hoàn Kiếm	982.800.530	982.800.530	3.553.028.863	7.565.787.961	4.995.559.628	4.995.559.628
Vay ngân hàng (USD)	10.747.800.812	10.747.800.812	1.089.297.021	1.340.136.445	10.998.640.236	10.998.640.236
{4} Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	1.548.823.140	1.548.823.140	1.089.297.021	1.340.136.445	1.799.662.564	1.799.662.564
{8} Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP Hồ Chí Minh - CN Thăng Long	9.198.977.672	9.198.977.672	-	-	9.198.977.672	9.198.977.672

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	30/6/2024		Trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay Cá nhân	2.198.960.111	2.121.140.074	310.000.000	4.420.000.000	6.308.960.111	6.231.140.074
Bà Trần Thị Thuộc (*)	77.820.037	-	-	-	77.820.037	-
Cá nhân khác	2.121.140.074	2.121.140.074	310.000.000	4.420.000.000	6.231.140.074	6.231.140.074
Tổ chức khác (*)	1.369.084.095	-	-	-	1.369.084.095	-
Công đoàn Công ty	119.084.095	-	-	-	119.084.095	-
Công ty CP sản xuất thép Mitsu Vina	1.250.000.000	-	-	-	1.250.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
{9} Tổng Công ty Bia rượu và NGK Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn) - SABECO	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
b) Vay dài hạn	14.881.425.601	14.881.425.601	-	12.011.911.522	26.893.337.123	26.893.337.123
Vay ngân hàng	1.396.258.578	1.396.258.578	-	10.383.709.936	11.779.968.514	11.779.968.514
{10} Ngân hàng TMCP Quân đội	1.396.258.578	1.396.258.578	-	1.083.709.936	2.479.968.514	2.479.968.514
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm	-	-	-	9.300.000.000	9.300.000.000	9.300.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	30/6/2024		Trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nợ thuê tài chính	13.485.167.023	13.485.167.023	-	1.628.201.586	15.113.368.609	15.113.368.609
{11} Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease-chi nhánh Hà Nội	796.076.439	796.076.439	-	229.498.260	1.025.574.699	1.025.574.699
{12} Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	12.689.090.584	12.689.090.584	-	1.398.703.326	14.087.793.910	14.087.793.910
Tổng	506.038.501.374	504.591.597.242	384.994.541.998	345.484.909.579	466.528.868.955	465.081.964.823

{1} Khoản vay theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2024/31009/HĐCHMTC ngày 26/6/2024

Hạn mức thấu chi là 10.000.000.000 VND;

Lãi suất: 7,5%/năm;

Thời gian thấu chi: Kể từ ngày ký hợp đồng này đến hết 26/6/2025;

Hạn mức hiệu lực thấu chi là 12 tháng;

Mục đích: Bổ sung vốn ngắn hạn thiếu hụt tạm thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh và không thuộc các nhu cầu vốn (đã quy định chi tiết trong hợp đồng);

Biện pháp bảo đảm:

- Bên vay sử dụng doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ vay thấu chi tại ngân hàng;
- Bên vay cầm cố các Hợp đồng tiền gửi theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2019/31009/HĐBĐ ngày 09/8/2019 và 01/2023/31009/HĐBĐ ngày 02/3/2023 cùng các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
- Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được thực hiện và ghi nhận theo hợp đồng này, các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/ký cược/ký quỹ hoặc các hợp đồng, thỏa thuận khác được giao kết giữa ngân hàng và khách hàng/bên thứ 3 trước ngày, cùng ngày và sau ngày của hợp đồng này.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

{2} Khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023 - HĐCVHM/NHCT127-CKHN ngày 28/12/2023

Hạn mức tín dụng: Không vượt quá 40.000.000.000 VND;

Lãi suất vay: Được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ;

Thời hạn duy trì hạn mức: Kể từ ngày 28/12/2023 đến hết ngày 28/12/2024;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh;

Tài sản đảm bảo:

- Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 02/2021/HĐBĐ/NHCT127-CKHN ngày 12/11/2021;
- Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 02/2021/HĐBĐ/NHCT127-CKHN ngày 23/9/2021;
- Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2020/HĐBĐ/NHCT127-MMTB ngày 25/03/2020.

{3} Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 193185.24.054.34801.TD ngày 05/03/2024

Hạn mức tín dụng: 95.000.000.000 VND;

Lãi suất vay: Lãi suất được quy định tại văn bản nhận nợ giữa MB và khách hàng và có thể thay đổi theo từng lần giải ngân;

Thời hạn duy trì hạn mức: Từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 28/2/2025;

Mục đích cấp tín dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất và thương mại máy móc công nghiệp, sản phẩm dịch vụ cơ khí và cấu kiện kim loại;

Tài sản bảo đảm:

- Quyền tài sản: Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất số 01/HĐKCN-KS ngày 15/11/2007, phụ lục hợp đồng số 06/PLHĐ-KS.CKHN ngày 11/11/2019 giữa Cơ khí Hà Nội và Công ty CP Khai Sơn; GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CR439773 do Sở TN và MT Tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 05/12/2019;
- Bất động sản: Tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CR439773 do Sở TN và MT tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 05/12/2019.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

{4} Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 418/2023/HDTD/HDG ký ngày 12/9/2023 và Hợp đồng sửa đổi số 01/SĐBSHĐ/TPBANK ngày 12/9/2023
Hạn mức cho vay: 310.000.000.000 VND;

Hạn mức L/C: 90.000.000.000 VND (Không bao gồm L/C UPAS X); Hạn mức bảo lãnh: 30.000.000.000 VND (Không bao gồm bảo lãnh thanh toán);

Lãi suất vay: Được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, Phát hành bảo lãnh thanh toán, Phát hành L/C Upas X phục vụ hoạt động sản xuất gia công cơ khí và thương mại thép, thương mại linh kiện và thiết bị cơ khí, thương mại thiết bị, vật tư và máy móc dùng cho y tế;

Biện pháp bảo đảm:

- Ký quỹ: Theo quy định về ký quỹ tại Hợp đồng này hoặc các thỏa thuận khác giữa TP bank và Khách hàng (nếu có);
- Được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 348/2021/HDBD/HDG/01 ngày 05/7/2021, Hợp đồng thế chấp TS số 757/2020/HDBD/HDG/01 ngày 02/02/2021, Hợp đồng thế chấp số 511/2021/HDBD/HDG/01 ngày 01/11/2021, Hợp đồng thế chấp tài sản số 108/2023/HDBD/HDG;
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 123/2023/HDBD/HDG ngày 14/4/2023; Các Hợp đồng bảo đảm được ký trước, trong và sau ngày hiệu lực của Hợp đồng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế của các Hợp đồng bảo đảm này.

{5} Gồm:

+ Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 200723-3136300-01-SMETHAUCHI ngày 21/07/2023

Hạn mức thấu chi: 5.000.000.000 VND;

Lãi suất vay: 15,5 %/năm;

Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi: 12 tháng;

Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, gia công và thương mại linh kiện, máy móc, các sản phẩm cơ khí.

+ Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 200723-3136300-01-SME ngày 21/7/2023

Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương;

Lãi suất vay: Lãi suất được VP bank và khách hàng thỏa thuận trong các kế ước nhận nợ hoặc các văn bản liên quan được ký kết giữa các bên;

Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng;

Mục đích cấp tín dụng:

- Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, gia công và thương mại linh kiện, máy móc, các sản phẩm cơ khí;
- Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh (bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh bảo hành), phục vụ hoạt động sản xuất, gia công và thương mại linh kiện, máy móc, các sản phẩm cơ khí;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- Phát hành các loại LC UPAS nội địa phục vụ hoạt động sản xuất, gia công và thương mại linh kiện, máy móc, các sản phẩm cơ khí;
Biện pháp bảo đảm:
 - Thế chấp bằng 01 bất động sản tại địa chỉ số 76 Nguyễn Trãi, P. Thượng Đình, Q. Thanh Xuân theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 496835 do UBND TP Hà Nội cấp ngày 12/12/2006;
 - Các biện pháp, tài sản đảm bảo khác được VP bank với Khách hàng và/hoặc bên thứ ba (nếu có) theo các Hợp đồng bảo đảm ký trước, trong và sau ngày phát sinh hiệu lực Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các Hợp đồng bảo đảm nêu trên (nếu có).
- {6} Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1220-LAV-201800795 ngày 22/11/2018
Hạn mức là 45.900.000.000 VND;
Mục đích là bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ.
- {7} Hợp đồng tín dụng hạn mức số 32/2024/HDTD/HGM ngày 18/3/2024
Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 VND;
Thời gian: 12 tháng;
Lãi suất: Biến động theo từng thời kỳ;
Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, không bao gồm thương mại thép.
- {8} Hợp đồng tín dụng số 77/10/TL/HN ngày 02/8/2010, cụ thể:
Gốc vay còn nợ tại thời điểm 31/12/2022: 428.507 USD;
Khoản vay này Công ty không nhận được thông báo tính lãi từ năm 2014 đến nay.
- {9} Khoản vay Tổng Công ty Bia rượu và NGK Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn) - SABECO, lãi suất là 6,6%/năm, thời hạn vay 05 năm.
- {10} Khoản vay theo Hợp đồng số 39622.190.54.34801.TD ngày 10/10/2019
Hạn mức vay: 20.000.000.000 VND;
Lãi suất vay: Lãi suất theo từng lần giải ngân.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

{11} Bao gồm các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B211005213 ngày 26/10/2021, theo đó:
Giá trị tài sản thuê (gồm VAT): 447.150.000 VND;
Giá trị thuê: 335.362.500 VND;
Thời hạn thuê: 48 tháng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số B211006812 ngày 16/12/2021, theo đó:
Giá trị tài sản thuê (gồm VAT): 710.600.000 VND;
Giá trị thuê: 646.646.000 VND;
Thời hạn thuê: 48 tháng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số B220136712 ngày 21/3/2022, theo đó:
Giá trị tài sản thuê (gồm VAT): 580.800.000 VND;
Giá trị thuê: 418.176.000 VND;
Thời hạn thuê: 48 tháng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số B220331915 ngày 24/5/2022, theo đó:
Giá trị tài sản thuê (gồm VAT): 605.280.000 VND;
Giá trị thuê: 435.801.600 VND;
Thời hạn thuê: 48 tháng.

{12} Bao gồm các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 109.22.07CTTC ngày 19/9/2022, theo đó:
Giá trị tài sản thuê (gồm VAT): 497.047.104 VND;
Số tiền cho thuê (gồm VAT): 347.932.973 VND;
Thời hạn cho thuê: 36 tháng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 109.22.06/CTTC ngày 23/9/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 28/02/2023, theo đó:
Giá trị tài sản thuê (gồm VAT): 3.554.100.000 VND;
Số tiền cho thuê (gồm VAT): 2.487.870.000 VND;
Thời hạn cho thuê: 48 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 196.23.01/CTTC ngày 20/4/2023, theo đó:
Giá trị tài sản thuê (gồm VAT): 225.060.000 VND;
Số tiền cho thuê (gồm VAT): 157.542.000 VND;
Thời hạn cho thuê: 36 tháng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 196.23.02/CTTC ngày 20/4/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 5/5/2023, theo đó:
Giá trị tài sản thuê (gồm VAT): 318.615.000 VND;
Số tiền cho thuê (gồm VAT): 223.030.500 VND;
Thời hạn cho thuê: 36 tháng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 196.23.05/CTTC ngày 24/05/2023, theo đó:
Giá trị tài sản thuê (gồm VAT): 15.460.831.870 VND;
Số tiền cho thuê (gồm VAT): 11.595.623.902 VND;
Thời hạn cho thuê: 72 tháng.

Chi tiết thuyết minh các khoản vay và nợ thuê tài chính theo từng đơn vị

Công ty mẹ gồm các thuyết minh {1}; {9}

Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội gồm các thuyết minh {2}; {3}; {4}; {5}; {10}; {11} và {12}

Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí gồm thuyết minh {6}

Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật gồm thuyết minh {8}

Công ty CP Dụng cụ số 1 gồm thuyết minh {7}

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (*) Các khoản vay ngắn hạn (là các khoản vay tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung) không đánh giá được khả năng trả nợ do có liên quan đến vụ án hình sự đang được điều tra đối với Ông Nguyễn Duy Xuyên - Nguyên Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp - đơn vị phụ thuộc của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung. Theo đó, Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung sẽ tiếp tục xác minh khoản vay này để từ đó xác định nghĩa vụ trả nợ thuộc về ông Nguyễn Duy Xuyên hoặc Công ty. Cụ thể các khoản vay như sau:

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		Trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.446.904.132	-	-	-	1.446.904.132	-
Vay Cá nhân	77.820.037	-	-	-	77.820.037	-
Bà Trần Thị Thược	77.820.037	-	-	-	77.820.037	-
Tổ chức khác	1.369.084.095	-	-	-	1.369.084.095	-
Công đoàn Công ty	119.084.095	-	-	-	119.084.095	-
Công ty CP sản xuất thép Mitsu Vina	1.250.000.000	-	-	-	1.250.000.000	-
Tổng	1.446.904.132	-	-	-	1.446.904.132	-

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.20 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2023	1.418.634.488.001	(1.202.379.963)	32.227.046.285	(35.188.159.410)	35.493.195.225	1.449.964.190.138
Lãi trong năm trước	-	-	-	7.130.202.255	(578.289.848)	6.551.912.407
Phân phối Lợi nhuận năm trước	-	-	-	(5.587.585.653)	-	(5.587.585.653)
Giảm khác trong năm trước	-	-	-	(1.214.641.743)	-	(1.214.641.743)
Số dư tại ngày 31/12/2023	1.418.634.488.001	(1.202.379.963)	32.227.046.285	(34.860.184.551)	34.914.905.377	1.449.713.875.149
Số dư tại ngày 01/01/2024	1.418.634.488.001	(1.202.379.963)	32.227.046.285	(34.860.184.551)	34.914.905.377	1.449.713.875.149
Lãi trong kỳ	-	-	-	3.516.174.128	(275.653.250)	3.240.520.878
{i} Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban quản lý điều hành	-	-	-	(2.209.567.793)	-	(2.209.567.793)
Giảm khác trong kỳ	-	-	-	(3.994.590.545)	-	(3.994.590.545)
Số dư tại ngày 30/6/2024	1.418.634.488.001	(1.202.379.963)	32.227.046.285	(37.548.168.761)	34.639.252.127	1.446.750.237.689

{i} Tổng Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban quản lý điều hành từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 căn cứ theo Phương án phân phối lợi nhuận của Công ty mẹ Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP kèm theo Công văn số 297/CV-MIE-DDV ngày 15/4/2024 của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP.

Ngoài khoản trích quỹ nêu trên tại Công ty mẹ, còn bao gồm khoản trích quỹ tại các Công ty con, cụ thể:

- Công ty CP Cơ khí Duyên Hải trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 theo Nghị quyết số 37/NQ-MIE-HĐQT ngày 21/6/2024 của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP.
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 theo Nghị quyết số 36/NQ-MIE-HĐQT ngày 21/6/2024 của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.20 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đối tượng	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
1. Vốn của Nhà nước và các cổ đông khác (*)	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Tổng	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001

(*) Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND lớn hơn Vốn góp của chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ 1.280.511.999 VND là do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo quy định. Công ty mẹ và 4 (bốn) Công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% vốn vẫn đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Sau khi có phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ có những điều chỉnh về Vốn theo quy định.

c) Các giao dịch về vốn Chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Vốn góp đầu kỳ	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001

d) Cổ phiếu

	30/6/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	141.991.500	141.991.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	789.710.989.478	569.360.565.684
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	108.216.662.391	46.537.526.906
Doanh thu bán sản phẩm	605.819.981.863	452.281.422.219
Doanh thu dự án	75.674.345.224	70.541.616.559
Tổng	789.710.989.478	569.360.565.684
6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	40.363.600	-
Hàng bán bị trả lại	75.989.000	-
Tổng	116.352.600	-
6.3 Giá vốn hàng bán	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ	107.872.428.645	46.319.158.221
Giá vốn của thành phẩm đã bán	539.410.687.928	391.867.469.565
Giá vốn dự án	66.754.932.262	52.828.064.766
Tổng	714.038.048.835	491.014.692.552

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.531.484.556	6.239.256.711
Cổ tức lợi nhuận được chia	155.653.500	273.088.106
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	758.916.668	218.925.748
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.027.728.296	198.026.836
Lãi hàng trả chậm	24.649.729	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.816.960	39.831
Tổng	7.500.249.709	6.929.337.232

6.5 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền vay	19.017.131.690	22.206.998.076
Lỗ bán ngoại tệ	46.208.860	64.804.425
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	67.360.634	352.741.264
Chi phí tài chính khác	410.093	32.610.855
Tổng	19.131.111.277	22.657.154.620

6.6 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên	1.276.358.065	796.897.799
Chi phí vật liệu quản lý	485.802.813	177.368.248
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	2.901.190
Chi phí khấu hao TSCĐ	32.144.166	32.144.166
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.691.464.617	2.029.260.217
Chi phí bằng tiền khác	725.667.283	389.202.211
Tổng	5.211.436.944	3.427.773.831

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.7 Chi phí Quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	30.376.446.789	27.916.075.255
Chi phí vật liệu quản lý	411.733.288	327.181.382
Chi phí đồ dùng văn phòng	313.882.139	328.489.048
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.313.288.173	4.385.997.836
Thuế, phí và lệ phí	1.763.668.576	2.310.073.199
Trích lập dự phòng	910.717.768	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.789.192.363	5.945.570.308
Chi phí bằng tiền khác	13.274.616.056	16.416.113.880
Tổng	58.153.545.152	57.629.500.908

6.8 Thu nhập khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Xử lý công nợ lâu năm	-	1.015.416.294
Thanh lý tài sản cố định	40.505.389	226.818.182
Tiền bồi thường, tiền phạt	5.241.897.899	820.762.469
Thu nhập khác	856.972.292	945.543.540
Tổng	6.139.375.580	3.008.540.485

6.9 Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Tiền chậm nộp thuế, BHXH	1.240.760.076	226.806.499
Tiền phạt, tiền bồi thường	-	871.642.766
Chi phí khác	1.273.076.041	1.223.251.481
Tổng	2.513.836.117	2.321.700.746

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.10 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	945.762.964	950.682.508
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	945.762.964	950.682.508

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	3.516.174.128	1.727.134.021
(*) Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành	-	(407.169.076)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.516.174.128	1.319.964.945
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	141.991.500	141.991.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND / Cổ phiếu)	24,8	9,3

(*) Tại ngày Báo cáo, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 có thể được phân bổ vào Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024, Lợi nhuận thuần thuộc về Cổ đông và Lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Tổng Công ty xác định lại số trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 căn cứ theo Phương án phân phối lợi nhuận của Tổng Công ty kèm theo Công văn số 297/CV-MIE-DDV ngày 15/4/2024. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được trình bày lại như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số đã trình bày trên Báo cáo kỳ trước		Số trình bày lại	Chênh lệch (3) = (2) - (1)
	(1)	(2)		
Lợi nhuận kế toán sau thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	1.727.134.021	1.727.134.021	-	-
Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành	-	(407.169.076)	(407.169.076)	(407.169.076)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.727.134.021	1.319.964.945	(407.169.076)	(407.169.076)
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	141.991.500	141.991.500	-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND / Cổ phiếu)	12,2	9,3	(2,9)	(2,9)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch với các Bên liên quan

a) Thông tin về các Bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ
Tổ chức	
Bộ Công thương	Cổ đông lớn và có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Công ty con
Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	Công ty con
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Công ty con
Công ty CP Dụng cụ số 1	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết
Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP	Đơn vị trực thuộc
Công ty Xây lắp công nghiệp	Đơn vị trực thuộc
Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp	Đơn vị trực thuộc
Cá nhân	
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân là Bên liên quan của Tổng Công ty	Ảnh hưởng đáng kể
<i>Bao gồm:</i>	
Hội đồng Quản trị	
Trần Quốc Toàn	Chủ tịch
Phạm Thành Đông	Thành viên
Lê Huy Hải	Thành viên (Bầu ngày 15/3/2024)
Hoàng Minh Việt	Thành viên
Cù Ngọc Phương	Thành viên
Trần Thị Thu Trang	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/3/2024)
Ban Kiểm soát	
Đình Quang Hòa	Trưởng ban
Nguyễn Thị Khánh Ly	Thành viên
Lê Thị Minh Huyền	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	
Phạm Thành Đông	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 27/6/2024)
Lê Huy Hải	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 16/7/2024)
Đậu Huy Ngọc Linh	Phó Tổng Giám đốc
Vũ Trung Thực	Phó Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.1 Giao dịch với các Bên liên quan (Tiếp theo)

b) Giao dịch với các Bên liên quan

Thu nhập của nhân sự chủ chốt	Tiền lương và thù lao	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc ngày 30/6/2024 VND	kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		628.843.042	688.979.080
Trần Quốc Toàn		172.800.000	182.752.080
Phạm Thành Đông		172.800.000	155.603.000
Hoàng Minh Việt		124.262.090	115.262.000
Cù Ngọc Phương		30.000.000	20.000.000
Trần Thị Thu Trang		12.380.952	149.362.000
Lê Huy Hải		42.000.000	32.000.000
Đậu Huy Ngọc Linh		28.000.000	2.000.000
Vũ Trung Thực		46.600.000	32.000.000
Ban Kiểm soát		148.262.090	307.610.193
Đình Quang Hòa		124.262.090	115.262.000
Nguyễn Thị Khánh Ly		12.000.000	80.640.873
Lê Thị Minh Huyền		12.000.000	111.707.320
Người quản lý khác		97.190.090	-
Nguyễn Ngọc Hùng		36.000.000	-
Đình Hồng Mai		61.190.090	-

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

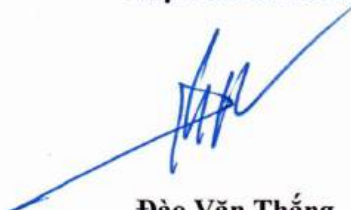
Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



Phạm Minh Đức

Phụ trách kế toán



Đào Văn Thắng

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lê Huy Hải